

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DSST
Ngày 27-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi T Lan;
2. Ông Phạm Quang Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị T Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Trọng T, sinh năm 1971; trú tại: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; trú tại: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1972; trú tại: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Ngô Trọng T trình bày:

Vào ngày 22/11/2015 anh Nguyễn Văn C là người cùng thôn đến nhà anh vay số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để trả tiền công vật liệu và trả

tiền công thợ xây nhà. Hai bên có viết giấy vay tiền, không xác định thời hạn vay, lãi suất thỏa Tận là 7%/tháng. Tuy nhiên cho đến nay anh C mới trả lãi cho anh được vài tháng. Còn số tiền gốc và tiền lãi các tháng tiếp theo anh C chưa trả cho anh.

Đến ngày 22/6/2016 anh Nguyễn Văn C và vợ là chị Bùi Thị T đến nhà anh T vay số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền, anh C, chị T đã ký vào giấy vay tiền.

Đến ngày 22/01/2017, anh C, chị T lại đến nhà anh vay số tiền là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền và có chữ ký của anh C, chị T vào giấy vay tiền.

Như vậy tổng ba lần anh cho vợ chồng anh C, chị T vay số tiền là 19.100.000đ (mười chín triệu một trăm nghìn đồng). Anh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn C phải trả anh số nợ gốc là 19.100.000đ (mười chín triệu một trăm nghìn đồng). Đối với khoản tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gốc thì anh T không yêu cầu anh C trả. Ngoài ra anh T không yêu cầu anh C trả khoản vay nào khác.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 22/11/2015 anh Nguyễn Văn C có vay của anh Ngô Trọng T số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), mục đích để vợ chồng anh xây nhà (trả tiền mua xi măng). Hai bên có viết giấy vay tiền và không ghi thời hạn trả nợ, lãi suất thỏa Tận là 7 %/tháng. Anh C viết giấy và ký nhận giấy vay tiền.

Đến ngày 22/6/2016 vợ chồng anh có viết giấy vay số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) của anh T và tiếp theo ngày 22/01/2017, vợ chồng anh lại viết giấy vay số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) của anh T. Theo anh thực chất đây là số tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gốc 15.000.000đ mà anh đã vay anh T ngày 22/11/2015. Nhưng vì kinh tế khó khăn, vợ chồng anh chưa có tiền lãi trả cho anh T nên anh T yêu cầu vợ chồng anh viết giấy vay hai khoản tiền 2.000.000đ vào ngày 22/6/2016 và 2.100.000đ vào ngày 22/01/2017. Anh chỉ chấp nhận trả cho anh T số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Chị Bùi Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị đều vắng mặt không có lý do nên chị không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Ngô Trọng T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Nguyên đơn anh Ngô Trọng T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng anh có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt anh. Anh C và chị T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là đã vi phạm quy định các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các điều 274, 275, 280, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trọng T. Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho anh Ngô Trọng T số tiền nợ gốc là 19.100.000đ (mười chín triệu một trăm nghìn đồng). Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 995.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp Tộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn là anh Ngô Trọng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Trọng T, anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn anh Ngô Trọng T: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Ngày 22/11/2015 anh Nguyễn Văn C đến nhà anh Ngô Trọng T vay số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để trả tiền công vật liệu và trả tiền công thợ xây nhà. Hai bên có viết giấy vay tiền, không xác định thời hạn trả nợ, anh C viết giấy và ký nhận giấy vay tiền của anh T, lãi suất thỏa Tận là 7 %/tháng.

[4] Đối với khoản vay vào ngày 22/6/2016 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và ngày 22/01/2017 với số tiền là và 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) giấy vay tiền có chữ ký của anh C, chị T. Anh C cho rằng đây là khoản lãi phát sinh từ khoản nợ gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) mà anh đã vay anh T ngày 22/11/2015. Do vợ chồng anh chưa trả được lãi nên anh T yêu cầu anh và chị T viết giấy vay tiền nên anh không chấp nhận. Anh C không đồng ý trả anh T số

tiền 19.000.000 đồng mà anh chỉ chấp nhận trả anh T số tiền vay ngày 22/11/2015 là 15.000.000 đồng.

[5] Việc vợ chồng anh C, chị T vay tiền của anh T đều có viêty giấy vay tiền, nội dung giấy vay tiền ngày 22/11/2015 và 22/6/2016 mà anh T xuất trình cho tòa án đều không thể hiện hai khoản vay này là khoản lãi phát sinh từ khoản tiền vay gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) mà anh C đã vay của anh T ngày 22/11/2015. Việc vay tiền không ghi thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, việc vay nợ thực hiện ở cùng một nơi là nhà anh Ngô Trọng T và hợp đồng vay nợ đã thực hiện xong. Theo quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì tranh chấp được áp dụng Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết. Đối với hợp đồng vay tiền lập ngày 22/11/2015 và ngày 22/6/2016 theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hợp đồng vay tiền lập ngày 22/01/2017 theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 nội dung điều luật giống nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng điều luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trọng T chỉ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả cho anh số tiền nợ gốc là 19.100.000 đồng, anh T không yêu cầu anh C trả tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gốc. Quá trình giải quyết vụ án anh T không khởi kiện đối với chị Bùi Thị T nên xác định anh Nguyễn Văn C là bị đơn, chị Bùi Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy bên cho vay là anh Ngô Trọng T có quyền đòi tài sản là tiền cho anh Nguyễn Văn C vay bất kỳ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa Tận khác. Tuy nhiên anh T đã nhiều lần yêu cầu anh C trả số tiền 19.100.000 đồng nhưng anh C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy anh Thảo đề nghị tòa án giải quyết buộc anh C có trách nhiệm trả nợ anh số tiền nợ 19.100.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T không yêu cầu anh C trả tiền lãi phát sinh từ khoản tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Trọng T Tộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trọng T.

Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả anh Ngô Trọng T số tiền 19.100.000đ (mười chín triệu một trăm nghìn đồng)

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 955.000đ (chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ngô Trọng T, anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

